

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

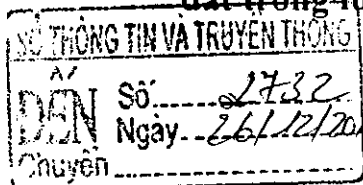
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **M** /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **10** tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng và thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng chuyển sang mục đích khác năm 2017 trên địa bàn tỉnh



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Lai Châu.

Xét Tờ trình số 2306/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2017 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 502/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng và thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sang mục đích khác năm 2017 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của các huyện, thành phố để thực hiện 144 công trình, dự án: 323,74 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp 218,78 ha; đất phi nông nghiệp 12,02 ha; đất chưa sử dụng 92,94 ha. Mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng của 107 công trình, dự án sử

dụng ngân sách Nhà nước với tổng kinh phí dự kiến là 111.102 triệu đồng (Một trăm mười một tỷ, một trăm linh hai triệu đồng).

(Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo)

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phải chuyển mục đích sang các loại đất khác để thực hiện 63 công trình, dự án: 117,03 ha. Trong đó: Đất trồng lúa 63,25 ha; đất rừng phòng hộ 48,08 ha; đất rừng đặc dụng 5,7 ha.

(Chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Trường hợp có thay đổi mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai thực hiện các dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phát sinh trong năm 2017 và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3: Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn



MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2017
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 71./NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	4	5=6+7+8	6	7	8	9
I	Huyện Than Uyên		15,59	15,59			366
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		3,11	3,11			366
1	Cầu dân sinh Pá Khoang	Xã Pha Mu	2,58	2,58			116
2	Đường giao thông bản Pa Chít Tấu đi Hua Chít	Xã Tà Hừa	0,53	0,53			250
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		12,48	12,48			
1	Thủy lợi Thẩm Phé - bản Hàng thuộc khu TĐC Mường Kim - Tà Mung (hạng mục bổ sung: Đường phục vụ khai thác quản lý thủy lợi Thẩm Phé - bản Hàng)	Xã Mường Kim	2,00	2,00			
2	Đường sản xuất khu TĐC Mường Mít (khu vực bản Khoang + Kẽm Quang) Hạng mục bổ sung: Đường sản xuất đi trên nền tuyến kênh thủy lợi Phai Ta	Xã Mường Mít	0,09	0,09			
3	Đường sản xuất khu TĐC Mường Mít (khu vực bản Khoang + Kẽm Quang) Hạng mục bổ sung: Cầu Nậm Mít	Xã Mường Mít	0,20	0,20			
4	Cụm thủy lợi Nậm Mít, khu TĐC Phúc Than huyện Than Uyên (hạng mục bổ sung: Cầu Mít Đạo)	Xã Phúc Than	0,50	0,50			
5	Đường bản Nam - Phiêng Mứt khu TĐC Ta Gia (hạng mục bổ sung: Đường bản Nam Phiêng Mứt kéo dài đầu nối đường sản xuất bản Mùi)	Xã Ta Gia	0,16	0,16			
6	Hạ tầng kỹ thuật ổn định dân cư bản Noong Quài xã Ta Gia	Xã Ta Gia	9,53	9,53			
II	Huyện Tân Uyên		28,14	28,09	0,05		25.488
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		28,14	28,09	0,05		25.488
1	Sân nền Trường THCS số 2 Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	0,70	0,70			1.000
2	Sân nền trường TH Tắt Xóm	Xã Trung Đông	0,21	0,21			500
3	Trạm y tế xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	0,20	0,20			200
4	Đường TT xã Hồ Mít - Suối Lĩnh A - Bản Lầu - Bản Thảo A - Thảo B - Bản K2	Xã Hồ Mít, Xã Pắc Ta	11,25	11,25			6.800

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)	
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp		Đất chưa sử dụng
1	2	4	5=6+7+8	6	7	8	9
5	Đường GTNT Ngọc Lại - Mường Khoa I	Các xã: Phúc Khoa, Mường Khoa	0,40	0,40			200
6	Đường Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lào	Xã Nậm Sỏ	0,99	0,99			400
7	Cầu dân sinh Nà Còi, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	0,30	0,30			68
8	Cầu dân sinh Nậm Cườm, xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Xã Trung Đồng	0,30	0,30			65
9	Cầu dân sinh Phiêng Phát, xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Xã Trung Đồng	0,30	0,30			55
10	Trường tiểu học số 1 bản Nà Ngò (bổ sung)	Xã Nậm Sỏ	0,02		0,02		
11	Trụ sở làm việc và Nhà văn hoá xã Pắc Ta (bổ sung)	Xã Pắc Ta	0,03		0,03		
12	Trường Mầm non xã Hố Mít	Xã Hố Mít	0,28	0,28			500
13	Trường PTDTBT tiểu học xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	0,32	0,32			500
14	Trường PTDTBT tiểu học Phiêng Hào	Xã Mường Khoa	0,14	0,14			200
15	Sân vận động huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	4,20	4,20			1.000
16	Hạ tầng cụm công nghiệp huyện Tân Uyên	Xã Thân Thuộc	8,50	8,50			14.000
III	Huyện Tam Đường		16,09	10,68	3,78	1,63	3.231
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		16,07	10,66	3,78	1,63	3.231
1	Cầu dân sinh Nà Cơ, xã Bản Giang, huyện Tam Đường	Xã Bản Giang	0,57	0,57			135
2	Cầu dân sinh Tiên Bình I, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	0,42	0,42			100
3	Nhà văn hóa bản Nà Hiêng	Xã Nà Tăm	0,03	0,03			6,5
4	Nhà văn hóa bản Nà Vàn	Xã Nà Tăm	0,03			0,03	
5	Nhà văn hóa bản Coóc Cuông	Xã Nà Tăm	0,03	0,03			6,5
6	Nhà văn hóa bản Phiêng Giăng	Xã Nà Tăm	0,03	0,03			6,5
7	Nhà văn hóa bản Nà Kiêng	Xã Nà Tăm	0,03	0,03			6,5

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	4	5=6+7+8	6	7	8	9
8	Trường mầm non trung tâm xã Nùng Nàng (bổ sung diện tích)	Xã Nùng Nàng	0,15	0,15			120
9	Kiên cố hóa kênh mương cánh đồng Bình Lư và cánh đồng Nà Tầm (bổ sung diện tích)	Các xã: Bình Lư, Nà Tầm	12,41	8,63	3,78		1.800
10	Đường giao thông từ Nậm Pha - Thèn Thầu đến xã Khun Há (bổ sung diện tích)	Xã Khun Há	0,12	0,12			100
11	Nâng cấp tuyến đường Bản Bo - Phiêng Hoi, huyện Tam Đường (bổ sung diện tích)	Xã Bản Bo	0,35	0,35			600
12	Hồ thủy lợi và nuôi trồng thủy sản Cò Lá, huyện Tam Đường (bổ sung diện tích)	TT Tam Đường	1,90	0,30		1,60	350
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		0,02	0,02			
1	Chống quá tải TBA Hoa Vân 2, huyện Tam Đường (bổ sung diện tích)	Xã Bình Lư	0,02	0,02			
IV	Thành phố Lai Châu		22,26	20,10	2,15	0,01	30.710
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		22,26	20,10	2,15	0,01	30.710
1	Thủy lợi Sin Cầu thuộc bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng	Xã San Thàng	0,15	0,14		0,01	150
2	Nâng cấp kênh Pá Chèm - Lũng Than (giai đoạn 2)	Xã San Thàng	0,12	0,12			100
3	Nhà văn hóa bản Sùng Chồ	Xã Nậm Loỏng	0,10		0,10		
4	Mở rộng khuôn viên, xây dựng nhà hiệu bộ trường Mầm non Hoa Ban	Phường Quyết Thắng	0,55		0,55		
5	Xử lý điểm đen tại KM 38+500 QL4D, tỉnh Lai Châu	Xã San Thàng	3,60	2,85	0,75		2.000
6	Trường mầm non xã Nậm Loỏng	Xã Nậm Loỏng	0,75	0,41	0,34		1.830
7	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố (xã Nậm Loỏng)	Xã Nậm Loỏng	0,30	0,22	0,08		480
8	Nhà văn hóa tổ 11	Phường Đoàn Kết	0,03		0,03		200
9	Nhà văn hóa tổ 23	Phường Đông Phong	0,05	0,02	0,03		250
10	Nhà văn hóa tổ dân phố số 4B	Phường Tân Phong	0,05		0,05		
11	Trường THCS Đông Phong (bổ sung diện tích)	Phường Đông Phong	0,82	0,82			3.000
12	Trường mầm non San Thàng	Xã San Thàng	1,47	1,47			2.000
13	Đường nội đồng từ cầu Gia Khâu II đến kho C30	Xã Nậm Loỏng	1,10	1,10			500
14	Nâng cấp đường từ QL 4D đến trường mầm non Hoa Sen (phía sau sân vận động)	Phường Đoàn Kết	0,11	0,11			500

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	4	5=6+7+8	6	7	8	9
15	Đường giao thông từ nhà văn hóa tổ dân phố số 7 đến trụ sở của UBND phường Quyết Tiến	Phường Quyết Tiến	0,13	0,13			500
16	Nâng cấp đập Ao Xanh, kênh thủy lợi đến cánh đồng Gia Khâu I, xã Nậm Loông	Xã Nậm Loông	0,21	0,20	0,01		500
17	Kênh thoát nước tổ 10	Phường Đoàn Kết	0,80	0,80			800
18	Xây dựng điểm du lịch bản San Thàng 1, xã San Thàng	San Thàng	0,29	0,20	0,09		700
19	Đường giao thông bản Nậm Loông 1, phường Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng	0,76	0,76			600
20	Hệ thống dẫn nước khu vực sản xuất bản Gia Khâu I, xã Nậm Loông	Xã Nậm Loông	0,60	0,55	0,05		7.000
21	Nâng cấp mở rộng chợ San Thàng	Xã San Thàng	0,15	0,10	0,05		500
22	Đường giao thông tổ dân phố số 8, phường Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	0,06	0,06			500
23	Kênh thoát nước tổ 8, phường Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	0,06	0,04	0,02		600
24	Xây dựng Khu lâm viên thành phố	Phường Tân Phong	10,00	10,00			8.000
V	Huyện Phong Thổ		77,24	71,71	1,38	4,15	26.428
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		77,24	71,71	1,38	4,15	26.428
1	Nhà lớp học tiểu học bản Can Hồ, trường PTDTBTTH Sin Súi Hồ	Xã Sin Súi Hồ	0,20	0,20			100
2	Nhà lớp học tiểu học bản Si Choang, trường PTDTBTTH Vàng Ma Chải	Xã Vàng Ma Chải	0,20	0,20			100
3	Nhà lớp học tiểu học bản Ma Lù Thàng 2, trường tiểu học Huổi Luông	Xã Huổi Luông	0,20	0,20			100
4	Đường GTNT trung tâm xã - bản Sàng Sang 2 (giai đoạn 1)	Xã Mù Sang	6,50	6,00	0,50		100
5	Đường GTNT TT xã - bản Tả Ô	Xã Vàng Ma Chải	2,00	2,00			100
6	Đường GTNT TT xã - bản Tung Trung Vàng, xã Mù Sang	Xã Mù Sang	4,00	4,00			300
7	NC đường GTNT TT xã - bản Chang Hoàng 2 (giai đoạn 1)	Xã Huổi Luông	13,02	13,00	0,02		300
8	Thủy lợi bản Xin Chải	Xã Si Lở Lầu	1,17	1,17			100
9	Thủy lợi Tả Hồ Thầu I bản Tô Y Phìn	Xã Mỏ Si San	1,13	1,13			100
10	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Sín Chải	Xã Hoàng Thèn	1,53	1,53			100
11	Dự án Nhà văn hóa xã Huổi Luông	Xã Huổi Luông	0,21	0,21			275
12	Nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Đào San	Xã Đào San	0,26	0,25	0,01		140
13	Trường PTDTBT THCS xã Đào San	Xã Đào San	0,40	0,30	0,10		665
14	Trường THCS Lân Nhi Thàng	Xã Lân Nhi Thàng	0,20	0,20			300
15	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Ma Ly Pho	Xã Ma Ly Pho	0,30	0,30			320

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	4	5=6+7+8	6	7	8	9
16	Trường PTDTBT THCS xã Nậm Xe	Xã Nậm Xe	0,30	0,30			626
17	Đền bù giải phóng mặt bằng Khu vực Pô Tô xã Huổi Luông thuộc Khu KTCK Ma Lù Thàng	Xã Huổi Luông	9,18	8,03		1,15	7.500
18	Xây dựng trạm Barie kiểm tra, kiểm soát an ninh, hàng hóa, phương tiện tại khu vực Km1, Quốc lộ 12	Xã Ma Ly Pho	0,37	0,12	0,25		2.200
19	Nâng cấp đường GTNT bản Nà Cúng -Kim Đồng - Nà Giang - Nà Đoong	Xã Bản Lang	10,00	9,50	0,50		2.500
20	Nâng cấp tuyến đường GTNT từ Km 15 đường Nậm Cây - Mù Sang - Sin Cai đến bản Tả Tê	Xã Mù Sang	2,00	2,00			600
21	Cầu Bê tông bản Nà Cúng	Xã Bản Lang	1,00	1,00			500
22	Cầu dân sinh Nà Đoong xã Bản Lang, huyện Phong Thổ	Xã Bản Lang	0,42	0,42			736
23	Cầu dân sinh Ché Nhì Rừ, xã Đào San, huyện Phong Thổ	Xã Đào San	0,42	0,42			736
24	Cầu dân sinh Pô Ma Hồ, xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ	Xã Ma Ly Pho	0,39	0,39			630
25	Đường từ đôn, trạm biên phòng ra mốc quốc giới phục vụ cho việc tuần tra bảo vệ mốc, huyện Phong Thổ	Xã Huổi Luông	21,00	18,00		3,00	7.000
26	Thủy lợi bản Ngải Chồ 1	Xã Nậm Xe	0,80	0,80			200
27	Điểm trung tâm Trường mầm non Sin Súi Hồ	Xã Sin Súi Hồ	0,04	0,04			100
VI	Huyện Sin Hồ		46,96	38,84	1,82	6,30	20.884
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		46,96	38,84	1,82	6,30	20.884
1	Xây dựng trạm bảo vệ rừng cụm xã Nậm Cuối, Nậm Hăn, Cấn Co	Xã Nậm Cuối	0,04		0,04		25
2	Trạm y tế thị trấn Sin Hồ	Thị trấn Sin Hồ	0,20	0,20			30
3	Trường PTDTBT THCS Cấn Co	Xã Cấn Co	0,60	0,60			65
4	Nhà lớp học trường PTDTBT, THCS xã Lũng Thàng	Xã Lũng Thàng	0,30	0,30			35
5	Nhà lớp học Mầm non 2 phòng bản Pá Khôm 2	Xã Nậm Tăm	0,40	0,40			45
6	Trường Mầm non xã Nậm Hăn	Xã Nậm Hăn	0,30	0,30			35
7	Cầu dân sinh bản Săn Tùng xã Tả Ngáo	Xã Tả Ngáo	0,25		0,25		25
8	Cầu dân sinh Đin Đanh xã Ma Quai	Xã Ma Quai	0,46		0,46		40
9	Cầu dân sinh Cấn Mạ 1 xã Nậm Hăn	Xã Nậm Hăn	0,42		0,42		35
10	Đường Lũng Thàng - Nậm Lúc 1 - Nậm Lúc 2	Các xã: Lũng Thàng, Phăng Sô Lin	8,63	8,63			2.000
11	Đường Nậm Khăm - Háng Lia 2 - Háng Lia 1	Xã Tả Ngáo	7,28	7,28			2.000



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	4	5=6+7+8	6	7	8	9
12	Đường từ TT xã đến bản Hua Pha	Xã Nậm Hãn	0,86	0,86			127
13	Đường đến bản Tia Khí	Xã Tủa Xín Chải	1,20	1,20			250
14	NC, SC thủy lợi Pho 1, Pho 2	Xã Pa Tần	0,30	0,30			90
15	Thủy lợi Nậm Coóng	Xã Nậm Cuối	0,60	0,60			110
16	NC, SC thủy lợi Nậm Há	Xã Noong Hèo	0,05	0,05			22
17	Thủy lợi Can Hồ	Xã Lũng Thàng	0,60	0,60			115
18	San gạt mặt bằng điểm trường mầm non Seo Lèng, xã Tả Phìn và điểm trường mầm non Ta Pưn, xã Noong Hèo	Các xã: Phìn Hồ, Noong Hèo	0,32	0,32			260
19	Cải tạo tuyến đường Séo Lèng - Nậm Tăm (giai đoạn II)	Các xã: Nậm Tăm, Ma Quai, Lũng Thàng	20,30	15,50	0,50	4,30	15.000
20	Đường bản Hay - Cản Ma	Xã Nậm Hãn	3,65	1,50	0,15	2,00	275
21	Trường mầm non xã Pa Tần	Xã Pa Tần	0,20	0,20			300
VII	Huyện Nậm Nhùn		19,19	6,90		12,29	1.620
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		18,49	6,20		12,29	1.620
1	Đài tưởng Niệm liệt sỹ huyện Nậm Nhùn	TT Nậm Nhùn	1,89			1,89	
2	Trường PTDT bán trú THCS xã Hua Bum	Xã Hua Bum	1,20	1,20			500
3	Đường từ Trung tâm xã Hua Bum - Pa Cheo	Xã Hua Bum	0,20	0,20			200
4	Thủy lợi Ma Sang	Xã Nậm Pi	1,50	1,50			300
5	Nâng cấp thủy lợi Nậm Nghệ	Xã Hua Bum	0,50	0,50			200
6	Nâng cấp đường giao thông đến bản Huổi Đạo, xã Nậm Chà	Xã Nậm Chà	8,40			8,40	
7	Đường từ TT xã Hua Bum - Pa Cheo	Xã Hua Bum	2,80	2,80			420
8	Nước sinh hoạt bản Tông Pít, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn	Xã Mường Mô	0,80			0,80	
9	Thủy lợi Hua Pàng (giai đoạn 2), xã Nậm Ban	Xã Nậm Ban	1,20			1,20	
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		0,70	0,70			
1	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 (bổ sung diện tích)		0,70	0,70			
VIII	Huyện Mường Tè		97,71	26,32	2,83	68,56	1.925
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		94,84	26,32	2,83	65,69	1.925
1	Cụm quản lý bảo vệ rừng khu vực Mù Cà	Xã Mù Cà	0,30	0,30			40
2	Điểm trường Tó Khò, xã Mù Cà	Xã Mù Cà	0,03		0,03		6
3	Điểm trường Phìn Khò, xã Mù Cà	Xã Mù Cà	0,03		0,03		6

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	4	5=6+7+8	6	7	8	9
4	Điểm trường Ma Kỳ, xã Mù Cà	Xã Mù Cà	0,03			0,03	
5	Điểm trường Thăm Pa, xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ	0,03		0,03		6
6	Cầu dân sinh Huổi Han	Xã Bum Tờ	0,42	0,30		0,12	40
7	Đường giao thông Nậm Phìn - Cờ lò 1	Xã Pa Ủ	6,30	0,80		5,50	120
8	Tuyến đường giao thông đến điểm ĐCĐC Mù Su xã Mù Cà	Xã Mù Cà	16,50	3,20	1,53	11,77	400
9	Đường giao thông đến Sín Chải B,A xã Pa Vệ Sừ	Xã Pa Vệ Sừ	28,80	4,20		24,60	340
10	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Pà Khả xã Tà Tổng	Xã Tà Tổng	6,60	1,03	0,61	4,96	110
11	Cầu dân sinh Nậm Ngà	Xã Tà Tổng	0,41	0,30		0,11	25
12	Nâng cấp đường giao thông nông thôn trung tâm xã Thu Lũm đến điểm ĐCĐC bản Thu Lũm 2 (đến hòn đá trắng)	Xã Thu Lũm	16,05	10,00		6,05	40
13	Đường giao thông TT xã Thu Lũm (Km 13) đi bản Pa Thăng	Xã Thu Lũm	13,50	4,60		8,90	140
14	Đường trục chính bản Nậm Cùm	Xã Bum Nưa	0,09	0,08		0,01	430
15	Cầu dân sinh Nậm Ma Nội	Xã Mường Tè	0,42	0,30		0,12	50
16	Cầu dân sinh khe Khò Già	Xã Ka Lăng	0,37	0,27		0,10	43
17	Cầu dân sinh Phu Nạ	Xã Ka Lăng	0,46	0,34		0,12	45
18	Thủy lợi Pạ Pù, Nhóm Pô	Xã Tá Bạ	0,20	0,10		0,10	16
19	Tuyến kè chống sồi, lở bảo vệ bờ sông biên giới khu vực mốc 18 (2) đến mốc 19	Xã Ka Lăng	3,00	0,10		2,90	10
20	Đường vào bản Nậm Hân, khu TĐC Mường Tè, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	Xã Mường Tè	1,20	0,40	0,60	0,20	58
21	Điểm trường Phí Chi B xã Pa Vệ Sừ	Xã Pa Vệ Sừ	0,03			0,03	
22	Điểm trường bản Pa Ủ xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ	0,02			0,02	
23	Tu sửa nâng cấp NSH các bản Xã Bum Nưa	Xã Bum Nưa	0,05			0,05	
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		2,87			2,87	
1	Đường giao thông nối khu tái định cư thị trấn với khu trị trấn Mường Tè.	TT Mường Tè	2,87			2,87	
XIX	Dự án xây dựng công trình theo tuyến, gồm địa bàn huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu (Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước)		0,56	0,55	0,01		450
1	Đường từ trung tâm xã Bản Giang đến xã Nùng Nàng (bổ sung diện tích)	Các xã: Bản Giang, Nùng Nàng	0,51	0,50	0,01		400
		Xã San Thàng	0,05	0,05			50
144	Tổng cộng		323,74	218,78	12,02	92,94	111.102



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71./NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)			
			Tổng 4=5+6	Đất trồng lúa 5	Đất rừng phòng hộ 6	Đất rừng đặc dụng 7
1	2	3				
I	Huyện Than Uyên		11,78	11,78		
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		0,05	0,05		
1	Cầu dân sinh Pá Khoang	Xã Pha Mu	0,05	0,05		
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		11,73	11,73		
1	Thủy lợi Thẩm Phé - bản Hàng thuộc khu TĐC Mường Kim - Tả Mung (hạng mục bổ sung: Đường phục vụ khai thác quản lý thủy lợi Thẩm Phé - bản Hàng)	Xã Mường Kim	0,90	0,90		
2	Đường sản xuất khu TĐC Mường Mít (khu vực bản Khoang + Kẽm Quang) Hạng mục bổ sung: Đường sản xuất đi trên nền tuyến kênh thủy lợi Phai Tả	Xã Mường Mít	0,06	0,06		
3	Đường sản xuất khu TĐC Mường Mít (khu vực bản Khoang + Kẽm Quang) Hạng mục bổ sung: Cầu Nậm Mít	Xã Mường Mít	0,20	0,20		
4	Cụm thủy lợi Nậm Mít, khu TĐC Phúc Than huyện Than Uyên (hạng mục bổ sung: Cầu Mít Đạo)	Xã Phúc Than	0,30	0,30		
5	Đường bản Nam - Phiêng Mọt khu TĐC Ta Gia (hạng mục bổ sung: Đường bản Nam Phiêng Mọt kéo dài đầu nối đường sản xuất bản Mùi)	Xã Ta Gia	0,04	0,04		
6	Hạ tầng kỹ thuật ổn định dân cư bản Noong Quài xã Ta Gia	Xã Ta Gia	9,53	9,53		
7	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ thủy điện, sản xuất con giống, chế biến cá trên địa bàn tỉnh Lai Châu (tại hồ thủy điện Huổi Quảng)	Xã Ta Gia	0,70	0,70		
			7,79	6,29		1,50
II	Huyện Tân Uyên		7,79	6,29		1,50
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		0,45	0,45		
1	Sân nền Trường THCS số 2 Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	0,45	0,45		
2	Sân nền trường TH Tát Xôm	Xã Trung Đồng	0,03	0,03		



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)			
			Tổng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	2	3	4=5+6	5	6	7
3	Đường TT xã Hồ Mít - Suối Linh A - Bàn Lầu - Bàn Thảo A - Thảo B - Bàn K2	Xã Hồ Mít, Xã Pắc Ta	2,60	1,10	1,50	
4	Đường GTNT Ngọc Lại - Mường Khoa I	Các xã: Phúc Khoa, Mường Khoa	0,20	0,20		
5	Đường Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lào	Xã Nậm Sỏ	0,40	0,40		
6	Trường Mầm non xã Hồ Mít	Xã Hồ Mít	0,14	0,14		
7	Trường PTDTBT tiểu học xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	0,18	0,18		
8	Trường PTDTBT tiểu học Phiêng Hào	Xã Mường Khoa	0,09	0,09		
9	Hạ tầng cụm công nghiệp huyện Tân Uyên	Xã Thân Thuộc	3,50	3,50		
10	Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư tại địa bàn các xã: Thân Thuộc, Trung Đồng (bổ sung)	Xã Thân Thuộc	0,20	0,20		
III	Huyện Tam Đường		2,19	2,14	0,05	
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		2,17	2,12	0,05	
1	Nhà văn hóa bản Nà Hiêng	Xã Nà Tăm	0,03	0,03		
2	Nhà văn hóa bản Coóc Cuông	Xã Nà Tăm	0,03	0,03		
3	Kiên cố hóa kênh mương cánh đồng Bình Lư và cánh đồng Nà Tăm (bổ sung diện tích)	Các xã: Bình Lư, Nà Tăm	1,88	1,83	0,05	
4	Nâng cấp tuyến đường Bản Bò - Phiêng Hoi, huyện Tam Đường (bổ sung diện tích)	Xã Bản Bò	0,23	0,23		
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		0,02	0,02		
1	Chống quá tải TBA Hoa Vân 2, huyện Tam Đường (bổ sung diện tích)	Xã Bình Lư	0,02	0,02		
IV	Thành phố Lai Châu		2,55	2,55		
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		2,55	2,55		
1	Thủy lợi Sin Câu thuộc bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng	Xã San Thàng	0,03	0,03		
2	Nâng cấp kênh Pá Chém - Lũng Than (giai đoạn 2)	Xã San Thàng	0,05	0,05		
3	Xử lý điểm đen tại KM 38+500 QL4D, tỉnh Lai Châu	Xã San Thàng	1,40	1,40		
4	Đường nội đồng từ cầu Gia Khâu II đến kho C30	Xã Nậm Loỏng	0,90	0,90		
5	Nâng cấp đập Ao Xanh, kênh thủy lợi đến cánh đồng Gia Khâu I, xã Nậm Loỏng	Xã Nậm Loỏng	0,17	0,17		
V	Huyện Phong Thổ		18,55	14,55	4,00	
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		18,55	14,55	4,00	
1	Đường GTNT trung tâm xã - bản Sàng Sang 2 (Giai đoạn I)	Xã Mù Sang	2,00	2,00		

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)			
			Tổng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	2	3	4=5+6	5	6	7
2	NC đường GTNT TT xã - bản Chang Hoàng 2 (giai đoạn I)	Xã Huổi Luông	5,00	2,50	2,50	
3	Thủy lợi bản Xin Chải	Xã Si Lờ Lầu	0,15	0,15		
4	Thủy lợi Tà Hồ Thầu I bản Tô Y Phìn	Xã Mồ Si San	0,15	0,15		
5	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Sín Chải	Xã Hoang Thèn	0,15	0,15		
6	Nâng cấp đường GTNT bản Nà Cúng - Kim Đồng - Nà Giang - Nà Doong	Xã Bản Lang	7,00	7,00		
7	Nâng cấp tuyến đường GTNT từ Km 15 đường Nậm Cây - Mù Sang - Sín Cai đến bản Tà Tê	Xã Mù Sang	0,50	0,50		
8	Cầu Bê tông bản Nà Cúng	Xã Bản Lang	0,50	0,50		
9	Đường từ đôn, trạm biên phòng ra mốc quốc giới phục vụ cho việc tuần tra bảo vệ mốc, huyện Phong Thổ	Xã Huổi Luông	3,00	1,50	1,50	
10	Thủy lợi bản Ngải Chồ I	Xã Nậm Xe	0,10	0,10		
VI	Huyện Sìn Hồ		10,29	10,29		
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		4,45	4,45		
1	NC, SC thủy lợi Pho 1, Pho 2	Xã Pa Tàn	0,30	0,30		
2	Thủy lợi Nậm Coóng	Xã Nậm Cuối	0,60	0,60		
3	NC, SC thủy lợi Nậm Há	Xã Noong Hèo	0,05	0,05		
4	Thủy lợi Can Hồ	Xã Lũng Thàng	0,60	0,60		
5	San gạt mặt bằng điểm trường mầm non Seo Lèng, xã Tà Phìn và điểm trường mầm non Ta Pưn, xã Noong Hèo	Các xã: Phìn Hồ, Noong Hèo	0,20	0,20		
6	Cải tạo tuyến đường Sáo Lèng - Nậm Tăm (giai đoạn II)	Các xã: Nậm Tăm, Ma Quai, Lũng Thàng	1,50	1,50		
7	Đường bản Hay - Cấn Ma	Xã Nậm Hăn	1,20	1,20		
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		5,84	5,84		
1	Xây dựng nhà máy chế biến mù cào su	Nậm Tăm	5,84	5,84		
VII	Huyện Nậm Nhùn		10,05	10,05		
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		5,80	5,80		
1	Trường PTDT bán trú THCS xã Hua Bum	Xã Hua Bum	1,00	1,00		
2	Đường từ Trung tâm xã Hua Bum - Pa Cheo	Xã Hua Bum	0,20	0,20		
3	Thủy lợi Ma Sang	Xã Nậm Pi	1,30	1,30		
4	Nâng cấp thủy lợi Nậm Ngệ	Xã Hua Bum	0,50	0,50		
5	Đường từ TT xã Hua Bum - Pa Cheo	Xã Hua Bum	2,80	2,80		
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		4,25	4,25		

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)			
			Tổng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	2	3	4=5+6	5	6	7
1	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 (bổ sung diện tích)		0,70	0,70		
2	Trồng cây ăn quả	Xã Nậm Mạnh	3,55	3,55		
VIII	Huyện Mường Tè		53,81	5,58	42,53	5,70
A	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		15,41	1,26	14,15	
1	Tuyến đường giao thông đến điểm ĐCĐC Mù Su xã Mù Cà	Xã Mù Cà	0,70	0,60	0,10	
2	Đường giao thông đến Sin Chải B,A xã Pa Vệ Sừ	Xã Pa Vệ Sừ	2,20	0,20	2,00	
3	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Pà Khả xã Tà Tổng	Xã Tà Tổng	0,11	0,06	0,05	
4	Nâng cấp đường giao thông nông thôn trung tâm xã Thu Lũm đến điểm ĐCĐC bản Thu Lũm 2 (đến hòn đá trắng)	Xã Thu Lũm	10,00		10,00	
5	Đường giao thông TT xã Thu Lũm (Km 13) đi bản Pa Thắng	Xã Thu Lũm	2,40	0,40	2,00	
B	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước		38,4	4,32	28,38	5,70
1	Thủy điện Nậm Xí Lùng 1	Xã Pa Vệ Sừ	5,32	0,72	4,60	
2	Thủy điện Nậm Xí Lùng 2	Xã Pa Vệ Sừ	11,60	3,60	8,00	
3	Thủy điện Nậm Si Lương 3 (bổ sung diện tích)	Các xã: Pa Vệ Sừ, Bum Tở, Bum Nưa	4,84		4,84	
4	Thủy điện Pắc Ma (bổ sung diện tích)	Các xã: Ka Lăng, Mù Cà	16,64		10,94	5,70
XIX	Dự án xây dựng công trình theo tuyến, gồm địa bàn huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu (Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước)		0,02	0,02		
1	Đường từ trung tâm xã Bán Giang đến xã Nùng Nàng (bổ sung diện tích)	Các xã: Bán Giang, Nùng Nàng	0,02	0,02		
63	Tổng cộng		117,03	63,25	48,08	5,70